

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày 18-01-2022
“V/v Tranh chấp đất rừng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Vũ Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Đức Anh.

2. Ông Lý Minh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đàm Hải Thao – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 20/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp đất rừng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐST-TCDS ngày 14 tháng 12 năm 2021 và Quyết định tạm dừng phiên Tòa ngày 31/12/2021 giữa:

- Nguyên đơn:

+ Ông Triệu Đức M, sinh năm 1961, Trú tại: Phường S, thành phố C, tỉnh C (ông M làm đơn xin rút đơn khởi kiện ngày 31/12/2021);

+ Bà Mông Thị V, sinh năm 1961

Trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh C.

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn (bà Mông Thị V) là bà Nguyễn Thị Thảo- Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng.*

- Bị đơn: Ông Triệu Văn H, sinh năm: 1963 (có mặt).

Trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh C.

- Người có quyền lợi N vụ liên quan:

+ Ông Triệu Đức M, sinh năm 1961, Trú tại: Phường S, thành phố C, tỉnh C (ông M làm đơn xin rút đơn khởi kiện ngày 31/12/2021);

+ Anh Triệu Hoàng Đ

Trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh C.

- Người tham gia tố tụng khác:

1/ Ông Đinh Trọng N- đại diện phòng TNMT huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. (có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị N – Cán bộ địa chính, Đại diện UBND xã Đức Thông (có mặt)

- Những người làm chứng:

1/ Ông Triệu Văn C1 (có mặt).

2/ Ông Triệu Văn C2 (vắng mặt).

3/ Ông Nông Đại L (vắng mặt)

4/ Ông Đinh Xuân N (vắng mặt).

5/ Ông Trần Ngọc Q (vắng mặt).

Cùng trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh C.

6/ Ông Lương Minh T

Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh C.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn, người được nguyên đơn ủy quyền trình bày:

Bà Mông Thị V: Nguồn gốc đất là của nhà nước giao cho vợ chồng bà (đứng tên ông Triệu Văn Nh, ông Nh đã chết) theo quyết định số: 100/UB/QĐ ngày 21/10/1995, gia đình bà quản lý từ thời gian được nhà nước giao đất, khi kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì do hoàn cảnh gia đình nên bà V không đi kê khai để được cấp GCNQSDĐ.

Đến năm 2006 khi ông Nh chết thì ông Triệu Văn H lấn đất dần và trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp lên phần đất của gia đình tôi được nhà nước giao đất theo quyết định 100. Đến năm 2018 thì xảy ra tranh chấp và H tại bây giờ phải nộp đơn để giải quyết tại Tòa án. Nguyên nhân xảy ra tranh chấp là do ông H ngày càng lấn sâu vào phần đất của gia đình tôi, gia đình tôi có nhắc nhở nhưng ông H vẫn lấn chiếm, gia đình tôi đã nhờ các ban ngành giải quyết, chị gái ruột của ông H cũng nhắc nhở ông H nhưng ông không nghe còn dùng dao dọa chém bà Ng và gia đình tôi nhiều lần.

Khi ông Triệu Hoàng Đ san ủi đất rừng để dựng nhà và khi mở đường và trồng cây gia đình tôi có nhắc nhở, không cho làm nhưng vì là người trong gia đình với nhau nên không yêu cầu các cơ quan, ban ngành giải quyết.

Yêu cầu khởi kiện của tôi là yêu cầu ông Triệu Văn H di dời tài sản (cây cối đã trồng trên đất của tôi mà chưa được sự đồng ý của gia đình tôi) và di dời nhà (Triệu Hoàng Đ đã xây dựng lên phần đất gia đình tôi được giao), trả lại phần đất theo quyết định giao đất theo quyết định số 100/UB/QĐ ngày 21/10/1995 cho gia đình tôi. Tại phiên Tòa bà yêu cầu được lấy lại phần đất tranh chấp, đối với tài sản là cây cối ông H và anh Đ trồng lên tôi đồng ý để ông

H quản lý, khai thác hết cây thì trả lại đất, không được trồng thêm, trồng mới; đối với phần đất anh Triệu Hoàng Đ đã dựng nhà thì giữ nguyên ngôi nhà và nhường thêm từ phía ngôi nhà ra mỗi bên 5m và nhường đường để vào nhà.

Ông Triệu Đức M trình bày:

- Phần đất đang tranh chấp với ông H là nguồn gốc đất của bố mẹ ông giao cho ông quản lý sử dụng theo giấy giao đất đã lập có cả chữ ký của ông Triệu Văn H, sau khi Tòa án giải quyết ông mới biết là giấy tờ chia đất mà bố mẹ chia cho ông là đất đã được giao cho em trai là Triệu Đình Nh theo quyết định số 100 (ông đã làm đơn xin rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa).

- Trong quá trình Tòa án giải quyết thì không có sự tranh chấp xảy ra giữa ông M với gia đình ông Triệu Văn Nh (hai bên cùng đòi lại phần đất H nay đang tranh chấp với ông H, và thống nhất tự thỏa thuận với Nhu về phần đất mà theo giấy phân chia ruộng đất giao cho ông M), ông M có ý kiến về việc giải quyết số cây trồng trên đất cụ thể không buộc ông H phải di dời, cho thời gian 15 năm tính từ ngày xét xử ông H khai thác hết số cây trồng và trả lại phần đất đã được nhà nước giao cho hộ bà Mông Thị V; Còn ngôi nhà cháu Triệu Hoàng Đ đã dựng lên cho phép lấy ra 20m tính từ mép nhà 04 cạnh Đông, Tây, Nam, Bắc.

Ông Triệu Văn H trình bày:

- Lô đất số 68 khi nhà nước cho kê khai để cấp giấy CNQSDĐ thì tôi với anh Nh khi đi chặn bò đã thống nhất với nhau tôi H lấy bên này (H nay là phần đất đang tranh chấp) còn anh Nh lấy bên kia đường (Hiện nay đất thuộc đất cộng đồng), sự việc trên không ai biết. Đến khi đi nhận đất để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì có ông Nông Văn L, ông Nguyễn Văn H và ông Đình Xuân N được biết, khi nhận đất đứng ở vị trí khác để nhận đất (nhận trên bản đồ) chứ không phải đến tận thực địa để nhận.

- Ông không biết việc ông Nh được nhà nước giao đất theo quyết định số 100, ông không thừa nhận được ký trong giấy giao tài sản cho ông M, từ khi nhà nước cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho gia đình ông thì gia đình ông quản lý, canh tác không xảy ra tranh chấp. Ông trồng các loại cây Lâm nghiệp từ khoảng cuối năm 2017.

- Nay ông không nhất trí theo yêu cầu của nguyên đơn mà Mông Thị V, yêu cầu được quản lý, sử dụng đất cấp theo bìa đỏ năm 2006 đã cấp cho gia đình ông.

Ông Triệu Hoàng Đ (con ông H, làm nhà và trồng cây trên phần đất tranh chấp) trình bày:

Nguồn gốc đất tôi dựng nhà là của bố tôi ông Triệu Văn H (được cấp sổ năm 2006) cho tôi, năm 2001 tôi đã quản lý và trồng cây mỡ, cây Quế và các loại cây ăn quả, năm 2019 tôi dựng nhà lên phần đất này (đất chưa chuyển đổi mục đích sử dụng), khi san ủi dựng nhà không ai có ý kiến, tranh chấp về việc tôi dựng nhà. Nay bà V và ông M khởi kiện yêu cầu tôi và bố tôi trả lại phần đất này tôi không đồng ý.

Lời khai của những người làm chứng ông L, ông N, ông Q:

Nhà nước giao đất rừng cho các hộ gia đình năm 1995 các hộ trong thôn đều được biết thông qua cuộc họp thôn ngày 28/6/1990, ông M không có thời gian quản lý, canh tác phần đất mà theo ông M được bố mẹ chia cho, anh Triệu

Hoàng Đ lúc san ủi dựng nhà không có tranh chấp yêu cầu thôn giải quyết. Từ khi giao đất thì gia đình bà V quản lý nhưng chưa trồng cây gì, H nay ông H đã trồng các loại cây trên phần đất đang tranh chấp này.

- Bà N: phần đất đang tranh chấp nhà nước giao cho hộ gia đình ông Nh năm 1994 thuộc lô 68, phần đất thừa 146 cấp chồng lên thửa 133 giao cho ông Triệu Đình Nh, về phần ngôi nhà anh Triệu Hoàng Đ dựng nhà lên là vi phạm pháp luật, đất chưa chuyển đổi mục đích sử dụng, chưa xin phép đã tự ý san ủi đất rừng để dựng nhà, tuy nhiên UBND chưa có biện pháp xử lý đối với anh Triệu Hoàng Đ.

- Ông N: Về việc giao đất thì cho hai hộ gia đình ông Triệu Văn H và ông Triệu Văn Nh (hộ bà V) theo quyết định số 100/QĐ/UB ngày 21/10/1995 thì hộ bà V được cấp 116.000m² tại lô 68,83 khi kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006; cấp cho hộ ông H là 110.000m² tại lô 69 khi kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006 diện tích là 168.153m² tại thửa 146 tờ bản đồ số 02. Việc cấp Giấy CNQSDĐ năm 2006 cho ông H là sai theo quy định của pháp luật về đất đai, vì đã cấp chồng lấn sang phần đất đã được giao cho hộ gia đình ông Triệu Văn Nh, sự việc này do cơ quan chuyên M chỉ căn cứ vào đơn xin cấp đất, chưa xem xét đến quyết định 100 giao cho hai hộ gia đình. Việc ông Đ tự ý san ủi đất rừng để làm nhà theo quy định của pháp luật buộc phải tháo dỡ, di dời nhà ra khỏi đất vì đất chưa chuyển đổi mục đích sử dụng.

UBND huyện trả lời những vấn đề liên quan đến đất tranh chấp giữa bà V với ông H như sau:

- Việc bà Mông Thị V yêu cầu được quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp tại lô 68(bản đồ giao đất, giao rừng năm 1995) nằm trong tổng diện tích thửa 146, tờ bản đồ 02 diện tích 168.153,0m² năm 2006 cấp cho hộ ông Triệu Văn H là đúng quy định của pháp luật đất đai. Vì quyết định giao đất cho hộ bà Mông Thị V vẫn còn hiệu lực.

- Ông Triệu Văn H yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ đất theo sổ thửa 146 tờ bản đồ 02 bản đồ 2006 mà ông được UBND huyện cấp sổ đỏ là không có cơ sở pháp lý vì phần đất cấp chồng lấn vào đất đã giao cho hộ Mông Thị V năm 1995 và đang có tranh chấp.

- Việc ông Triệu Hoàng Đ tự ý san ủi đất rừng để xây dựng nhà là không đúng theo quy định của pháp luật do chưa được cấp có thẩm quyền cho phép san gạt và chuyển mục đích sử dụng đất.

Tại phần tranh luận:

- Nguyên đơn bà Mông Thị V và người bảo V quyền và lợi ích hợp pháp của mình có ý kiến do phía bị đơn(là anh em trong nhà) nhưng không có chú trong việc giải quyết, có những hành động vượt quá đạo đức (như chửi bới, dọa nạt...) đối với nguyên đơn nên yêu cầu Tòa án giải quyết giao toàn bộ đất đã được nhà nước giao cho hộ gia đình nguyên đơn theo quyết định 100, buộc bị đơn, người có quyền lợi và N vụ liên quan thu hoạch, di dời hết cây cối và ngôi nhà trên phần đất tranh chấp trả lại đất cho nguyên đơn.

- Bị đơn, người có quyền lợi và N vụ liên quan không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu được quản lý, sử dụng phần đất đang tranh chấp được cấp giấy chứng nhận QSDĐ năm 2006 cho hộ gia đình bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý xác định quan hệ “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án là đúng với quy định tại khoản Điều 26, Điều 35 và Điều 39, quá trình giải quyết, xây dựng hồ sơ đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi N vụ liên quan, người làm chứng đã chấp hành đúng quyền và N vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đây là vụ án yêu cầu giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa bà Mg Thị V và ông Triệu Văn H, có đủ cơ sở để xác định diện tích đang tranh chấp thuộc thửa đất số 146 tờ bản đồ số 02 diện tích 168.153,0m² cấp cho ông Triệu Văn H theo GCNQSDĐ số AH 691204 cấp ngày 14/4/2006, tuy nhiên ½ thửa đất này trước đó đã được cấp cho hộ ông Triệu Văn Nh theo quyết định số 100 ngày 21/10/1995, ½ diện tích đất này chưa được thu hồi, chuyển nhượng, tặng cho bị đơn nên căn cứ Điều 32 luật đất đai 2003 Điều 163,164,169 Bộ luật dân sự các điều 26,35,39,247,248,249,250,251 Bộ luật tố tụng dân sự Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của Bà Mông Thị V và ông Triệu Đức M, khởi kiện đối với ông Triệu Văn H về vấn đề ông H đã tự ý lấn, chiếm phần đất đã được cấp cho nguyên đơn, trước khi mở phiên tòa ông M đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện và tại biên bản Tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết là: Tranh chấp “*Đất lâm nghiệp*”. Tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện thạch An quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tư cách tham gia Tố tụng: Bà Mg Thị V là người được nhà nước giao đất nay có người tranh chấp và bà có đơn khởi kiện nên bà là Nguyên đơn; Ông Triệu Văn H là người bị kiện nên ông H là bị đơn; Ông Triệu Hoàng Đ là người có cây trồng và ngôi nhà dựng trên đất tranh chấp nên là người có quyền lợi và N vụ liên quan; Vợ ông H là người có tên trong quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là

người có quyền lợi và N vụ liên quan (đã ủy quyền tố tụng cho ông H); Đối với đại diện UBND huyện (cơ quan chuyên M quản lý đất), đại diện UBND xã đầu mỗi quản lý, kê khai đất đai được Tòa án triệu tập nhằm làm sáng tỏ nội dung vụ án; và những người làm chứng có tên nêu trên.

[2] Về pháp luật áp dụng: Hộ gia đình ông Triệu Văn Nh và hộ gia đình ông Triệu Văn H được nhà nước giao đất rừng theo quyết định số 100 ngày 21/10/1995; Đến năm 2006 ông H đã tự ý vạch đất và kê khai lấn sang phần đất đã được nhà nước giao đất cho hộ ông Triệu Văn Nh và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H khai rằng ông đã trồng các loại cây lâm nghiệp, cây ăn quả lên phần đất tranh chấp từ năm 2017; đến nay tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên căn cứ trình tự, thủ tục cấp đất theo Luật đất đai 2003; Luật đất đai 2013; Bộ Luật dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Hộ gia đình ông Triệu Văn Nh (bà Mông Thị V) được nhà nước giao đất theo quyết định số 100 ngày 21/10/1995, nay ông Triệu Văn H đã tự ý vạch ranh giới, kê khai được cấp sổ lấn sang phần đất được nhà nước giao cho hộ gia đình bà Mông Thị V với diện tích là 50.626m²(theo diện tích đo đạc thẩm định tại chỗ) H nay ông Triệu Văn H đã trồng các loại cây Lâm nghiệp, cây ăn quả từ cuối năm 2017 và anh Triệu Hoàng Đ (con của ông H) đã san ủi làm nhà lên phần đất tranh chấp năm 2019, Tại phiên tòa hôm nay bà Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ số đất mà nhà nước đã giao cho bà năm 1995, cấp nhằm vào sổ cho hộ ông Triệu Văn H năm 2006, buộc ông H, anh Đ di dời, khai thác toàn bộ cây trên đất tranh chấp, di dời nhà anh Triệu Hoàng Đ xây dựng trái phép trên đất đã được nhà nước giao cho bà. Ông Triệu Đức M có đơn khởi kiện (trong quá trình giải quyết xác định đất theo giấy chia đất cho ông đã được nhà nước giao cho hộ ông Nh, phần đất này thuộc quyết định số 100 giao cho hộ ông Nh, nên ông có ý kiến vẫn được tham gia phiên tòa để cùng bà V đòi lại đất, giữa bà V (ông Nh đã chết) và ông M không tranh chấp) ông M đã có đơn xin rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa nên HĐXX sẽ giải quyết phần đất theo ông khai nằm trong yêu cầu của bà Mông Thị V để giải quyết.

[3.2] Ông Triệu Văn H khai được thỏa thuận với ông Triệu Văn Nh về việc chia đất và được giao đất năm 1995, không thừa nhận việc bố là ông Triệu Thanh Kiềm chỉ đất cho ông Triệu Đức M (ông H cho rằng bố chỉ chia đất ruộng, không chia đất rừng); năm 2006 ông đã đi kê khai, nhận đất và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu được quyền quản lý sử dụng theo nhà nước giao đất năm 2006.

[3.2] Ông Triệu Hoàng Đ, tôi trồng cây và dựng nhà trên đất của bố tôi, bố tôi được nhà nước cấp giấy CNQSDĐ năm 2006, từ năm 2001 tôi đã trồng cây Mỡ, cây Quế trên phần đất này và đã thu hoạch, còn khoảng 6-7 cây mỡ chưa khai thác, tôi yêu cầu được quản lý sử dụng ngôi nhà, các loại cây tôi trồng trên phần đất này, vì đất này đã được nhà nước giao cho bố tôi là ông Triệu Văn

H quản lý, sử dụng.

[3.3] Nhận định của Hội đồng xét xử:

[3.3.1] Qua công văn trả lời của UBND huyện Thạch An và lời khai của những người làm chứng xét thấy ngày 21/10/1995 nhà nước đã giao đất có biên bản họp thôn vào ngày 28/6/1990 cả hai hộ ông Triệu Văn Nh và ông Triệu Văn H đều được giao đất rừng, 02 lô đất rừng của hai gia đình (hai anh em ruột) ở cạnh Nhu hộ ông Nh (bà V) được giao 116.000m² tại lô 68,83; hộ ông H được giao 110.000m² tại lô 69, đến năm 2006 ông H kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (rừng tự nhiên, phòng hộ) tại thửa đất số 146 tờ bản đồ số 02 diện tích 168.153m². Việc cấp đất năm 2006 cho hộ ông H là vượt hơn theo quyết định giao đất năm 1995 là 58.153m², UBND huyện có công văn trả lời việc cấp đất này là theo các bên kê khai, UBND huyện không xem xét đến quyết định số 100 năm 1995; Việc bà V đòi lại phần đất tranh chấp với ông H là đúng vì số diện tích này nằm trong quyết định giao đất cho hộ gia đình bà V, quyết định này chưa bị thu hồi, vẫn có hiệu lực. Thông qua việc giao đất, việc ông H thừa nhận có thỏa thuận giao đất với ông Nh năm 1995 về đất được giao và việc ông H khai việc chia ruộng đất có chữ ký của ông được UBND xã Đức Thông xác nhận ngày 08/5/1999 là giao đất ruộng cho ông M chứ không phải đất rừng đang tranh chấp này điều này thể H việc ông H biết diện tích tranh chấp này đã được giao, nhưng đến năm 2006 ông tự ý kê khai (không có thỏa thuận nào với bên được giao) để được cấp vào sổ của mình số diện tích này; Từ sự phân tích trên, việc ông H yêu cầu được quản lý số diện tích đất tranh chấp này là không có căn cứ chấp nhận.

[3.3.2] Về ngôi nhà và cây cối trồng trên phần đất tranh chấp, các loại cây được ông H trồng trên phần đất này từ cuối năm 2017, ngôi nhà anh Triệu Hoàng Đ dựng là năm 2019, việc ông H kê khai đất sai dẫn đến việc cấp đất là sai, nên ông H trồng cây trên phần đất này không có căn cứ để bảo V, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu khai thác và di dời cây và nhà trên phần đất này cần được chấp nhận, đối với ngôi nhà anh Triệu Hoàng Đ dựng trái quy định của pháp luật, theo như ý kiến của đại diện cơ quan chuyên môn về quản lý đất đai, theo như quy định của pháp luật về quản lý đất đai thì ngôi nhà này cần phải tháo dỡ, di dời để trả lại đất cho hộ gia đình bà Mông Thị V;

[3.3.3] Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Triệu Văn H năm 2006 là có sự nhầm lẫn một phần diện tích trong thửa đất cấp cho hộ ông H, xét không cần thiết phải hủy toàn bộ giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho hộ ông H mà chỉ cần điều chỉnh số diện tích đang tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho hộ ông H trả về đúng với chủ quản lý là hộ bà Mông Thị V là khách quan, toàn diện và đúng theo quy định của pháp luật.

[3.4] Diện tích tranh chấp, tài sản trên đất.

Quá trình xem xét thẩm định thực tế diện tích đất tranh chấp giữa bà Mông Thị V và ông Triệu Văn H là 50.626,3m² thuộc lô đất 146 đã giao cho hộ ông H theo Giấy CNQSDĐ số AH691204 ngày 14/4/2006. Trên phần đất tranh chấp tại phiên tòa và quá trình xây dựng hồ sơ thể H các cây mỡ anh Đ trồng từ

2001 và các loại cây trồng khác được ông H trồng từ cuối 2017; bà Mông Thị V và Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà V yêu cầu ông H và anh Đ khai thác và di dời hết các loại cây và ngôi nhà anh Đ đã dựng trên phần đất tranh chấp, trả lại diện tích đất để bà quản lý, sử dụng là có căn cứ. Chi phí đã chi cho 02 lần xem xét thẩm định tại chỗ hết 3.300.000đ.

[3.5] Yêu cầu khởi kiện của bà Mông Thị V được chấp nhận. Do đó, ông H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.300.000đ (ba triệu ba trăm ngàn đồng) và buộc ông H phải khai thác, di dời cây cối, anh Đ phải di dời nhà ra khỏi phần đất tranh chấp.

[4] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 32 Luật đất đai 2003; Điều 100, 166, 170 Luật đất đai 2013; Điều 163, 164, 169 Bộ Luật dân sự 2015; khoản 4 Điều 275, Điều 579, Điều 580 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Điều 10 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mông Thị V đối với ông Triệu Văn H. Ông Triệu Văn H và anh Triệu Hoàng Đ có N vụ:

- Trả lại nguyên trạng diện tích 50.626,3m² tranh chấp nằm trong thửa đất đang tranh chấp tại thửa đất số 146 tờ bản đồ 02 diện tích 168.153,0m² cấp cho hộ ông Triệu Văn H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 691204 ngày 14/4/2006.

Tứ cận, tiếp giáp:

- Phía Đông: Giáp thửa 133 cấp cho hộ ông Triệu Văn Nh và phần còn lại của thửa 146 cấp cho hộ ông Triệu Văn H (133 và 146 được cấp năm 2006);

- Phía Tây: Giáp phần còn lại thửa 146 và Thửa số 128 đất cộng đồng thôn Bản Tuôm;

- Phía Nam: Giáp phần còn lại thửa 146;

- Phía Bắc: Giáp khe Khuổi Buông và đất nông nghiệp của ông Triệu Văn C1.

2. Chi phí tố tụng: - Chi phí cho 02 lần xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.300.000đ ông Triệu Văn H phải chịu chi phí này, số tiền này sẽ được trả lại cho bên đã nộp tiền tạm ứng trước đó là anh Triệu Quang T và ông Triệu Đức M.

- Ông Triệu Đức M và anh Triệu Quang T (con bà V) đã trả mỗi người 1.650.000đ, ông M và anh Quang T sẽ được hoàn lại khi ông Triệu Văn H thi hành án khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Triệu Văn H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Mông Thị V được hoàn lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai AA/2016/0000682 ngày 29/12/2020, ông Triệu Đức M được trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai AA/2016/0000681 ngày 29/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 18/01/2022) đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc N yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực H theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Thạch An;
- Chi cục THA dân sự huyện Thạch An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Vũ Hoàng

THÀNH VIÊN HĐXX

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Lý Minh Giang

Hoàng Đức Anh

Phan Vũ Hoàng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Thạch An;
- Chi cục THA dân sự huyện Thạch An;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu...

Phan Vũ Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Minh Giang Đặng Thu Phượng

Phan Vũ Hoàng

